

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠNH PHÚ**

Tỉnh Bến Tre

Bản án số: **14/2017/DS-ST**

Ngày: 29/11/2017

V/v tranh chấp “Hợp đồng  
vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Triết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Văn Phúc

2. Ông. Nguyễn Văn Chót

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2017/TLST-DS ngày 03/10/2017 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2932/2017/QĐXXST- DS ngày 13 tháng 11 năm 2017 và Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số: 3026/2017/QĐ-CA ngày 27 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị L - sinh năm 1968. Địa chỉ: Số nhà 165/3, ấp TA, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Trần Thị T - sinh năm 1967. Địa chỉ: Số nhà 55/1, ấp TA, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre. Tạm trú: số 61/2, ấp ĐT, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt)

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Mai Văn D - sinh năm 1965. Địa chỉ: Số nhà 165/3, ấp TA, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 29/9/2017, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:**

Bà T có nợ của bà số tiền 29.000.000 (Hai mươi chín triệu) nhưng khi bà đến nhà bà T yêu cầu trả số tiền này thì bà T không đồng ý trả nên bà có làm đơn yêu cầu ấp TA, xã TH giải quyết và vào ngày 30/11/2016 Tổ hòa giải của ấp TA hòa giải thì bà T đã hứa vào ngày 30/7/2017 sẽ trả cho bà số tiền là 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu) đồng.

Tại phiên tòa bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P xem xét giải quyết buộc bà Trần Thị T trả số tiền 29.000.000 (Hai mươi chín triệu) đồng, thực hiện trả một lần, không yêu cầu bà T tính lãi. Đồng thời bà thừa nhận tiền bà cho bà T vay là tiền chung của bà và chồng bà là ông Mai Văn D. Số tiền bà yêu cầu bà T trả chỉ một mình bà T vay với bà chứ

không có chồng bà T là ông Mai Văn R biết nên bà yêu cầu cá nhân bà T phải trả tiền cho bà, không yêu cầu ông R.

***Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị T trình bày:***

Bà thừa nhận bà có nợ của bà Nguyễn Thị L số tiền là 29.000.000 (Hai mươi chín triệu) đồng nhưng hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên không có khả năng trả một lần theo yêu cầu của bà L, bà cam kết là khi nào bà Huỳnh Thị T1 trả tiền cho bà 170.000.000 đồng theo bản án số 67/2016/DS-ST ngày 11/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện P thì bà mới có tiền trả cho bà L.

***Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn D trình bày:***  
Ông thống nhất với ý kiến của bà L, không trình bày gì thêm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Nguyễn Thị L tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn Trần Thị T theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[3] Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn Nguyễn Thị L với bị đơn Trần Thị T được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Qua hòa giải nguyên đơn Nguyễn Thị L với bị đơn Trần Thị T cùng thống nhất số tiền tranh chấp là 29.000.000 đồng. Tuy nhiên khi hòa giải tại Tổ hòa giải của ấp TA, xã TH thì bà T có cam kết đến ngày 30/7/2017 sẽ trả đủ số tiền này cho bà L nhưng đến nay không trả là không đúng theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vốn vay là 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu) đồng.

[5] Bà L không yêu cầu ông Mai Văn R (chồng bà T) có nghĩa vụ liên đới với bà T để trả cho bà L số tiền này nên Tòa án không xem xét trách nhiệm liên đới của ông R.

[6] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Số tiền án phí bà Trần Thị T phải nộp (29.000.000 đồng x 5%) là: 1.450.000 (Một triệu, bốn trăm năm mươi nghìn) đồng. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L, ông Mai Văn D số tiền 29.000.000 (Hai mươi chín triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ nộp: 1.450.000 (Một triệu, bốn trăm năm mươi nghìn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị L được Chi cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 725.000 (Bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0012034, ngày 03 tháng 10 năm 2017.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Hồ Thị Triết**

